

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25 /2017/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 9 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ 206  
Ngày 22 tháng 9 năm 2017

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội; Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2017/TTr-STC ngày 21/8/2017.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội (gọi tắt là NHCSXH tỉnh) để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Lao động, Thương binh và Xã hội; Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh; và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29/12/2017 và thay thế Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh. *du*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Sở: Tư pháp, TT&TT;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Phòng: TH, CN - VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (y\_70b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Ngọc Nghị**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25./2017/QĐ-UBND ngày 19./9./2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

### **Chương I**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### 2. Đối tượng áp dụng:

a) UBND các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp huyện, cấp xã);

b) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

c) Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã;

d) Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Tổ tiết kiệm và vay vốn.

đ) Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn.

### **Điều 2. Nguồn vốn ủy thác**

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách tỉnh đã ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh thu hồi để quay vòng.

b) Nguồn vốn ngân sách tỉnh trích bổ sung hàng năm (tùy theo tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối của ngân sách) do HĐND tỉnh quyết định.

c) Nguồn tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay nguồn vốn ngân sách tỉnh được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này.

d) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 của Quy chế này.

2. Nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác qua: Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột), Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã (đối với các huyện, thị xã) để cho vay trên địa bàn huyện gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách cấp huyện đã ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn cấp huyện được thu hồi để quay vòng.

b) Nguồn vốn của ngân sách cấp huyện trích hàng năm (tùy theo tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối của ngân sách) do HĐND cấp huyện quyết định.

c) Nguồn tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay của nguồn vốn ngân sách cấp huyện được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này.

d) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 của Quy chế này.

## **Chương II**

### **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp**

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh.

2. Cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn ngân sách thành phố Buôn Ma Thuột), Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thị xã đối với nguồn ngân sách của huyện, thị xã.

**Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương**

Hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách Nhà nước theo Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

### **Điều 5. Đối tượng cho vay**

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (sau đây viết tắt là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP) và một số đối tượng chính sách đặc thù tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

### **Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay**

Theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và số đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương để quy định.

### **Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay**

Theo quy định hiện hành của NHCSXH Việt Nam và phù hợp với thực tế tại địa phương. Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn.

### **Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

### **Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay**

NHCSXH các cấp quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH các cấp và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH theo dư nợ cho vay bình quân của các khoản cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, truyền thông; khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cho các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được. Nội dung và mức chi của các khoản chi này, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

#### **Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro**

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro ngoài các cơ chế này, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND các cấp xem xét, quyết định đảm bảo đúng quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp, NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện báo cáo UBND các cấp bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giám trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào

nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

### **Điều 11. Chế độ báo cáo**

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác, gửi về UBND tỉnh và Sở Tài chính.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với thành phố Buôn Ma Thuột), Phòng giao dịch NHCSXH (các huyện, thị xã): Định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH (các huyện, thị xã) báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch theo quy định.

### **Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán**

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

1. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với UBND các cấp:

a) Bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện ủy thác cho NHCSXH, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo, các đối tượng chính sách khác trên địa bàn; thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH tỉnh đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Quy chế này.

d) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội cho vay ủy thác:

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thị xã:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách của tỉnh, ngân sách cấp huyện chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát vốn vay tín dụng chính sách trên địa bàn, đảm bảo việc vay vốn được giải ngân đến đúng đối tượng và sử dụng vốn đúng mục đích.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh, UBND cấp huyện về kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện chuyển qua NHCSXH trước ngày 31/01 của năm sau.

4. UBND cấp huyện:

a) Trình HĐND cùng cấp quyết định trích nguồn ngân sách ủy thác hàng năm cho NHCSXH thực hiện việc cho vay.

b) Chỉ đạo các phòng, ban; UBND cấp xã; Hội, đoàn thể cấp huyện triển khai thực hiện Quy chế này.

5. UBND cấp xã:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, các tổ chức chính trị - xã hội cho vay ủy thác, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của người vay.

**Điều 14.** Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị